TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 402/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 6 - 2020
V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Trầm

2/ Bà Phan Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tú Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành – Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Bé T, sinh năm: 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TA, xã HT, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Lê Nhuận Đ**,** sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản Toà án hoà giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Bé T đã trình bày: Chị và anh Lê Nhuận Đ chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng tháng 4 năm 2019 anh chị bắt đầu có mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Anh Đ không

quan tâm chăm sóc vợ con và thường xuyên gây gỗ với chị và chị đã cho cơ hội sửa đổi nhiều lần nhưng không có kết quả. Do đó, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được.

Nay về tình cảm: Chị T xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Trường T1, sinh ngày 21/4/ 2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Nhuận Đ được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gởi bản khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật. Về Hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Cho chị Nguyễn Bé T được ly hôn với anh Lê Nhuận Đ. Về con chung: cháu Lê Nguyễn Trường T1, sinh năm 2018 còn nhỏ và chị T đang nuôi con nên giao chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Anh Lê Nhuận Đ được Tòa án tống đạt hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh Đ vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn Bé T và anh Lê Nhuận Đ chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng anh Đ, chị T sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì chị T, anh Đ phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Cụ thể anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo làm ăn, thường xuyên gây gỗ với chị T, hiện vợ chồng anh chị cũng đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Xét thấy, tình cảm giữa chị T và anh Đ đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị T có cho cơ hội anh Đ sửa đổi nhiều lần nhưng anh Đ không thực hiện, hơn nữa anh chị cũng có thời gian ly thân nhau khá lâu nhưng không về đoàn tụ được, anh Đ biết chị T xin ly hôn nhưng không đến Tòa án để hòa giải là không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, nay chị T xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia

đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bé T, cho chị Nguyễn Bé T được ly hôn với anh Lê Nhuận Đ.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Bé T và anh Lê Nhuận Đ có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Trường T1, sinh ngày 21/4/ 2018, hiện đang sống chung với chị T, ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy hiện con chung dưới 36 tháng tuổi đang sống với chị T, được chị T chăm sóc chu đáo, chị T cũng đủ khả năng nuôi con về mọi mặt nên giao chị T được trực tiếp nuôi con là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, giao con chung cho chị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Bé T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình,

- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bé T. Cho chị Nguyễn Bé T được ly hôn anh Lê Nhuận Đ.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung là Lê Nguyễn Trường T1, sinh ngày 21/4/ 2018 cho chị Nguyễn Bé T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Nhuận Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh Lê Nhuận Đ có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01923, ngày 24 – 02 - 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Tiền Giang, xem như nộp xong.

4. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Thúy